TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST
Ngày: 28-02-2022
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Thư ký TAND huyện Gia Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2020/TLST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn*: Ngân hàng A**. Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 đường LH, phường TC, quận BĐ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng A – Chi nhánh Gia Lâm (Sau đây viết tắt là Ngân hàng A Gia Lâm); Địa chỉ chi nhánh: Số 187, đường NĐT, thị trấn TQ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội (Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng A). Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Gia Lâm: Ông H M N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh Gia Lâm. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Viết D, sinh năm 1986, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh Gia Lâm. Địa chỉ liên hệ: 187 NĐT, TT TQ, huyện Gia Lâm, Hà Nội (Giấy ủy quyền số 841B/NHNoGL-KHDN ngày 07/12/2020 Ngân hàng A – chi nhánh Gia Lâm). "Ông Dương có mặt".

***2. Bị đơn*: Công ty TNHH KL H (Sau đây viết tắt là Công ty H).** Địa chỉ trụ sở chính: Số 696C LLQ, phường NT, quận TH, Hà Nội. Người đại diện theo pháp

luật của Công ty theo Thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 03 ngày 21/7/2014 của Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp là ông Đỗ Đình H1, sinh năm 1981, nơi ĐKHKTT và địa chỉ liên hệ: Số 696C LLQ, phường NT, quận TH, thành phố Hà Nội. "Ông H vắng mặt".

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH IHA. Địa chỉ trụ sở chính: 696C LLQ, phường NT, quận TH, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T, sinh năm 1981, HKTT theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp: Thôn MH, xã NH, huyện LN, tỉnh Hà Nam. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện nộp ngày 07/12/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - đại diện hợp pháp của Ngân hàng A Gia Lâm trình bày:***

[1]. Ngân hàng A – chi nhánh Gia Lâm (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng A Gia Lâm) và Công ty TNHH KLH (Sau đây gọi tắt là Công ty H) đã tự nguyện thỏa thuận và ký kết các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201501520 ngày 13 tháng 10 năm 2015 theo đó Ngân hàng A Gia Lâm cấp cho Công ty H số tiền vay 652.500.000 đồng (Sáu trăm năm mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) với mục đích cho vay là: Thanh toán tiền mua xe cho Công ty TNHH ô tô và thiết bị chuyên dùng SB theo Hợp đồng mua bán số 1328/HĐMB/2015/FC9JLSW ngày 14/9/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201700202 ngày 25 tháng 01 năm 2017 theo đó Ngân hàng A Gia Lâm cấp cho Công ty H số tiền vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) với mục đích cho vay là: Thanh toán tiền mua xe cho Công ty cổ phần ô tô TA theo Hợp đồng mua bán số 0612/HĐMB-HLB/2016 ngày 06/12/2016.

- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201800258 ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo đó Ngân hàng A Gia Lâm cấp cho Công ty H số tiền vay 7.485.000.000 đồng (Bảy tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) với mục đích cho vay là: Thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh TH1 theo Hợp đồng kinh tế số 001/TH-HN/2018 ký ngày 05/02/2018; Công ty CP thương mại sản xuất XNK MP theo Hợp đồng kinh tế số 0202/MP-HN-2018 ký ngày 02/02/2018 và Công ty TNHH SX và TM IVN theo Hợp đồng kinh tế số 001/IVN-HN/2017 ký ngày 30/01/2018.

- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201701721 ngày 28 tháng 8 năm 2017, theo đó Ngân hàng A Gia Lâm cấp cho Công ty H số tiền vay là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng) với mục đích cho vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất năm 2017 – 2018: Kinh doanh thép không gỉ (Cuộn inox nhập khẩu và nội địa).

[2]. Khách hàng nhận vốn vay từng lần tại 09 giấy nhận nợ và 03 chứng từ giao dịch giải ngân, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201501520 ngày 13 tháng 10 năm 2015: Hợp đồng vay tiền mua xe ô tô của Công ty TNHH ô tô và thiết bị chuyên dùng SB.

1. Để thực hiện Hợp đồng 1520, ngày 13/10/2015 Ngân hàng A Gia Lâm đã chuyển khoản 652.500.000 đồng vào tài khoản số 13820862428011 - Techcombank chi nhánh Hà Thành của Công ty TNHH ô tô và thiết bị chuyên dùng SB. Khoản vay này thời hạn trả gốc ngày 15/10/2018, đến nay đã trả gốc là 651.500.000 đồng, hiện còn nợ gốc là 1.000.000 đồng từ 08/6/2021 (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/05/2018).

Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201700202 ngày 25 tháng 01 năm 2017: Hợp đồng vay tiền mua xe ô tô của Công ty cổ phần ô tô TA.

2. Để thực hiện Hợp đồng số 0202, ngày 25/01/2017 Ngân hàng A Gia Lâm đã chuyển khoản 300.000.000 đồng vào tài khoản số 191228563360** – Techcombank – TT Hội sở Hà Nội của Công ty cổ phần ô tô TA. Khoản vay này, thời hạn trả gốc ngày 25/01/2020, đến nay đã tả nợ gốc là 290.000.000 đồng, hiện còn nợ gốc: 1.000.000 đồng, từ ngày 08/11/2021 (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/05/2018).

Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201701721 ngày 28 tháng 08 năm 2017

3. Giấy nhận nợ số 3120-LDS-201703768 ngày 09/11/2017, số tiền giải ngân 4.324.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 07/05/2018, dư nợ gốc: 18.000.000 đồng, từ ngày 22/11/2018 (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/02/2018).

4. Giấy nhận nợ số 3120-LDS-201703902 ngày 17/11/2017, số tiền giải ngân 3.045.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 16/05/2018, dư nợ gốc: 15.000.000 đồng từ ngày 22/11/2018 (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/02/2018).

5. Giấy nhận nợ số 3120-LDS-201703976 ngày 23/11/2017, số tiền giải ngân 3.056.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 23/05/2018, dư nợ gốc: 10.000.000 đồng từ ngày 29/11/2018 (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/02/2018).

6. Giấy nhận nợ số 3120-LDS-201704075 ngày 29/11/2017, số tiền giải ngân 5.006.900.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 29/05/2018, dư nợ gốc: 16.900.000 đồng từ ngày 30/11/2018 (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/02/2018).

7. Giấy nhận nợ số 3120-LDS-20174255 ngày 11/12/2017, số tiền giải ngân 1.414.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 11/06/2018, dư nợ gốc: 1.414.000.000 đồng (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 03/04/2018).

8. Giấy nhận nợ số 3120-LDS-201704461 ngày 22/12/2017, số tiền giải ngân 1.941.800.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 22/6/2018, dư nợ gốc: 1.941.803.000 đồng (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 03/4/2018).

9. Giấy nhận nợ số 3120-LDS-201704111 ngày 30/11/2017, số tiền giải ngân 5.100.000.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 30/5/2018, dư nợ gốc: 3.878.000.000 đồng (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/3/2018).

10. Giấy nhận nợ số 3120-LDS-201800271 ngày 23/01/2018, số tiền giải ngân 3.820.500.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 23/7/2018, dư nợ gốc: 3.127.165.000 đồng (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/02/2018).

11. Giấy nhận nợ số 3120-LDS-201800335 ngày 29/01/2018, số tiền giải ngân 2.522.400.000 đồng, thời hạn trả gốc ngày 29/07/2018, dư nợ gốc: 2.522.457.000 đồng (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 01/02/2018).

Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201800258 ngày 12 tháng 02 năm 2018: Hợp đồng vay tiền trả tiền mua thép.

12. Để thực hiện hợp đồng số 0258, Ngân hàng A Gia Lâm đã chuyển khoản số tiền 7.485.066.000 đồng vào 03 tài khoản của 03 công ty: Công ty cổ phần thương mại sản xuất XNK MP, số tài khoản 31202010176** Ngân hàng A chi nhánh Gia Lâm ngày 12/02/2018 số tiền 1.801.429.000 đồng; Công ty TNHH MTV kinh doanh KL TH1, số tài khoản 0200166536** Sacombank chi nhánh Long Biên, HN số tiền 1.967.355.000 đồng; Công ty TNHH SX và TM IVN, số tài khoản 06110019542** Vietcombank chi nhánh Ba Đình, số tiền 3.716.282.000 đồng để thanh toán tiền mua thép của Công ty H. Khoản vay này, thời hạn trả gốc ngày 13/8/2018, dư nợ gốc: 6.322.066.000 đồng (Khoản vay đã quá hạn từ ngày 13/02/2018).

Tính đến hết ngày 24/02/2022, tổng dư nợ gốc và lãi của Công ty H tạm tính là: 30.929.439.549 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ, chín trăm hai chín triệu, bốn trăm ba chín nghìn, năm trăm bốn chín đồng), trong đó: nợ gốc là 19.267.391.000 đồng, nợ lãi là 11.662.048.549 đồng.

[3] Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty H gồm 04 tài sản:

3.1. Tài sản thế chấp mang tên Công ty TNHH KL H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 359260 (xe ô tô I10) đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 24012017/HĐCT ký ngày **24/01/2017** giữa Ngân hàng A chi nhánh Gia Lâm và Công ty H. Phạm vi bảo đảm tài sản cho số tiền vay là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ và số tiền lãi, phí phát sinh.

Tài sản trên đã được Ngân hàng A chi nhánh Gia Lâm bán đấu giá thành công và thu hồi số tiền nợ gốc là 286.400.000 đồng. Tài sản này đảm bảo khoản vay 300.000.000 đồng.

3.2. Tài sản thế chấp mang tên Công ty TNHH KL H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 145203 (xe tải Hino) đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 12102015/HĐTC ngày **16/7/2015** ký giữa Ngân hàng A Gia Lâm và Công ty TNHH KL H. Phạm vi bảo đảm tài sản cho số tiền vay là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ và số tiền lãi, phí phát sinh.

Tài sản này đảm bảo khoản vay gốc là 652.500.000 đồng. Tài sản trên đã được Ngân hàng A Gia Lâm bán đấu giá thành công và thu hồi được số tiền nợ gốc 688.700.000 đồng. Số tiền thu hồi còn lại thanh toán vào gốc của hợp đồng tín dụng

số 3120-LAV-201701721 (vì hợp đồng thế chấp đều để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty H).

3.3. Tài sản thế chấp mang tên Công ty TNHH KL H theo HĐKT số 0202/MP-HN/2018, Hóa đơn GTGT số 0000462 ngày 05/02/2018; HĐKT số 001/IVN-HN/2017, Hóa đơn GTGT số 0000167, 0000169, 0000172; HĐKT số 001/TH-HN/2018, Hóa đơn GTGT số 0001775 (Các hợp đồng mua thép); đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0902/HĐTC ngày **09/02/2018** ký giữa Ngân hàng A Gia Lâm và Công ty TNHH KL H. Phạm vi bảo đảm tài sản cho số tiền vay là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ và số tiền lãi, phí phát sinh.

Toàn bộ tài sản theo các hợp đồng mua bán này đảm bảo khoản vay gốc là 7.458.066.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201800258 ngày 12 tháng 02 năm 2018.

3.4. Tài sản thế chấp mang tên Công ty TNHH IHA theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 125742 (Xe ô tô Camry); đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 23102017 ngày **23/10/2017** ký giữa Ngân hàng A Gia Lâm và Công ty TNHH IHA. Phạm vi bảo đảm tài sản cho số tiền vay là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc và số tiền lãi, phí phát sinh.

Tài sản này đảm bảo khoản vay gốc là: 560.000.000 đồng. Tài sản trên đã được Ngân hàng A Gia Lâm bán đấu giá thành công và thu hồi số tiền nợ gốc 506.000.000 đồng.

Toàn bộ lô hàng Inox và 03 chiếc xe ô tô thế chấp đã được Công ty H bán và trả nợ cho Ngân hàng trước khi khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, nay không còn tài sản đảm bảo.

Tại đơn khởi kiện, tạm tính đến ngày 31/3/2020, nợ của Công ty H tại Ngân hàng A Gia Lâm là: 25.397.842.202 đồng, trong đó: nợ gốc là 20.748.491.000 đồng, nợ lãi là 4.649.351.202 đồng.

Sau khi bán tài sản đảm bảo là 03 chiếc ô tô thu hồi nợ gốc là 1.481.100.000 đồng, nên đến nay nợ gốc của Công ty H còn tại Ngân hàng A Gia Lâm là 19.267.391.000 đồng.

Về lãi: Từ khi ký hợp đồng tín dụng đến ngày 24/02/2022, Ngân hàng A Gia Lâm vẫn tính lãi mức lãi thỏa thuận của hai bên tại các hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên ngày 29/12/2021 Ngân hàng A có văn bản số 12333/NHNo-TD về việc điều chỉnh lãi suất; miễn, giảm lãi để thu hồi nợ sau xử lý trong điều kiện dịch bệnh Covid-19, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất của các khoản vay chưa trả của Công ty H đều về một mức là 4,86%/năm kể cả trong hạn và quá hạn, tính từ ngày chậm thanh toán của từng khoản vay. Nên đối với các khoản nợ của Công ty H đều được điều chỉnh lãi suất về một mức theo chủ trương chung của Ngân hàng A, nên đến nay tiền lãi của Công ty H giảm đi rất nhiều, để hỗ trợ khách hàng. Cụ thể, tính mức lãi 4,86%/năm kể từ ngày tiếp theo của ngày đóng lãi cuối cùng của từng khoản vay đến ngày xét

xử, đối với hợp đồng số **0258** dư nợ gốc là 6.322.066.000 đồng, tính từ ngày 13/02/2018; Đối với hợp đồng số **1721**, dư nợ 3.127.165.000 đồng tính từ ngày 23/01/2018, dư nợ 3.878.000.000 đồng tính từ ngày 30/11/2017, dư nợ 2.522.457.000 đồng tính từ ngày 29/01/2018, dư nợ 1.941.803.000 đồng tính từ ngày 22/12/2017, dư nợ 1.414.000.000 đồng tính từ ngày 11/12/2017, dư nợ 16.900.000 đồng tính từ ngày 29/11/2017, dư nợ 10.000.000 đồng tính từ ngày 23/11/2017, dư nợ 15.000.000 đồng tính từ ngày 17/11/2017, dư nợ 18.000.000 đồng tính từ ngày 09/11/2017; Hợp đồng số **1520** dư nợ 1.000.000 đồng tính từ ngày 13/10/2015; Hợp đồng số 0202 dư nợ 1.000.000 đồng tính từ ngày 25/01/2017. Tính đến ngày 28/02/2022, lãi gốc 19.267.391.000 đồng, với mức lãi suất 4.86%/năm tính từ ngày tiếp theo của ngày trả lãi sau cùng thì tổng lãi là 4.981.332.141 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 24.248.723.141 đồng.

Đối với lãi tiếp tục sau ngày xét xử, do chính sách của Ngân hàng thay đổi liên tục, nên không thể yêu cầu tiếp tục thực hiện lãi suất theo mức 4.86%/năm cho đến khi thi hành xong nợ gốc được vì phải theo chủ trương của hệ thống, do vậy Ngân hàng yêu cầu Công ty H tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của các Hợp đồng tín dụng tương ứng của từng khoản nợ gốc kể từ ngày 01/3/2022 cho đến khi thi hành xong nợ gốc.

Ngân hàng A Gia Lâm đã nhiều lần làm việc trực tiếp và/hoặc có văn bản yêu cầu Công ty H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201501520 ngày 13 tháng 10 năm 2015; Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201700202 ngày 25 tháng 01 năm 2017; Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201800258 ngày 12 tháng 02 năm 2018; Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201701721 ngày 28 tháng 8 năm 2017 nhưng Công ty H liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết với Ngân hàng A Gia Lâm, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng A Gia Lâm.

Nay Ngân hàng A Gia Lâm yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm tuyên buộc Công ty H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc lãi như trên và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201501520 ngày 13 tháng 10 năm 2015; Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201700202 ngày 25 tháng 01 năm 2017; Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201800258 ngày 12 tháng 02 năm 2018; Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201701721 ngày 28 tháng 8 năm 2017, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác với Công ty H.

* ***Bị đơn - Đại diện hợp pháp của Công ty H trình bày:*** Năm 2014 Công ty H có quan hệ tín dụng với Ngân hàng A Gia Lâm. Từ năm 2014-2018, công ty chúng tôi hoạt động tương đối ổn định với hạn mức đầu tư được Ngân hàng cấp là 20 tỷ

đồng. Sau đó, Ngân hàng A Gia Lâm nâng tổng số hạn mức lên 35 tỷ đồng. Vào thời gian đó, Công ty H bị Công ty IHK lừa đảo và chiếm đoạt tiền là 223.000 USD mà không giao hàng. Kể từ đó, Công ty H lâm vào cảnh khó khăn, mất thanh khoản về vốn từ tháng 8/2018, giá cả tại thời điểm năm 2018 liên tục đi xuống. Công ty không còn khả năng thanh toán các khoản thanh toán đến hạn và khế ước từ đó đến nay. Công ty H có thế chấp 01 xe tải, 01 xe ô tô con, công ty đã bàn giao cho Ngân hàng để Ngân hàng bán thanh lý và thu vào nợ gốc. Toàn bộ hàng hóa thế chấp cho hạn mức của Ngân hàng chúng tôi đã bàn giao cho Ngân hàng để Ngân hàng bán thanh lý và thu vào nợ gốc. Tại thời điểm hiện tại, Công ty còn dư nợ gốc tại Ngân hàng A Gia Lâm khoảng 20 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty H đã tạm dừng hoạt động. Nên công ty chúng tôi trong thời gian qua chưa thanh toán được số tiền nợ gốc với Ngân hàng. Công ty chúng tôi đang cố gắng tìm kiếm và cố gắng để hoạt động kinh doanh trở lại và thu xếp trả nợ cho Ngân hàng trong thời gian tới. Tại buổi hòa giải, người đại diện hợp pháp của Công ty H trình bày tôi thừa nhận đã ký các hợp đồng tín dụng tôi đã ký với Ngân hàng A – Chi nhánh Gia Lâm với nội dung như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201501520 ngày 13 tháng 10 năm 2015 theo đó Ngân hàng cấp cho Công ty H số tiền vay 652,5 triệu đồng với mục đích cho vay là: Thanh toán tiền mua xe cho Công ty TNHH ô tô và thiết bị chuyên dùng SB theo Hợp đồng mua bán số 1328/HĐMB/2015/FC9JLSW ngày 14/09/2015.

- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201700202 ngày 25 tháng 01 năm 2017 theo đó Ngân hàng cấp cho Công ty H số tiền vay 300 triệu đồng với mục đích cho vay là: Thanh toán tiền mua xe cho Công ty cổ phần ô tô TA theo Hợp đồng mua bán số 0612/HĐMB-HLB/2016 ngày 06/12/2016.

- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201800258 ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo đó Ngân hàng cấp cho Công ty H số tiền vay 7.485 triệu đồng với mục đích cho vay là: Thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh KL TH1 theo Hợp đồng kinh tế số 001/TH-HN/2018 ký ngày 05/02/2018; Công ty CP thương mại sản xuất XNK MP theo Hợp đồng kinh tế số 0202/MP-HN-2018 ký ngày 02/02/2018 và Công ty TNHH SX và TM IVN theo Hợp đồng kinh tế số 001/IVN-HN/2017 ký ngày 30/01/2018.

- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201701721 ngày 28 tháng 08 năm 2017 theo đó Ngân hàng cấp cho Công ty H hạn mức là 30 tỷ đồng với mục đích cho vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất năm 2017 – 2018: Kinh doanh thép không gỉ (cuộn inox nhập khẩu và nội địa).

Về số tiền tôi vay Ngân hàng A – Chi nhánh Gia Lâm theo các hợp đồng tín dụng trên tôi đã nhận đầy đủ như Ngân hàng đã trình bày, tôi không thắc mắc gì.

Sau khi nhận được tiền vay, tôi thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Trong quá trình trả nợ do làm ăn kinh tế khó khăn và bị lừa mất số tiền lớn nên đến tháng 8/2018 tôi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc lãi đối với ngân hàng. Về số lô thép

để đảm bảo cho khoản vay chung của Công ty H thì số thép trên đã được công ty tôi bán và trả nợ trước khi ngân hàng khởi kiện công ty, tôi xác nhận việc đó.

Đối với 3 tài sản đảm bảo thì tôi đã bàn giao cho Ngân hàng, Ngân hàng đã bán và trừ nợ cho Công ty H. Đối với việc bán tài sản đảm bảo trả nợ, Ngân hàng đã làm và đã tính toán, tôi thống nhất, không thắc mắc gì.

Đến nay tôi xác định còn nợ Ngân hàng tạm tính đến hết ngày 23/12/2021 tại Ngân hàng A Gia Lâm là: 29.950.182.085 đồng (bằng chữ: Hai chín tỷ, chín trăm năm mươi triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc: 19.267.391.000 đồng và nợ lãi: 10.682.791.085 đồng.

Nay tôi có quan điểm trả nợ như sau: Đến tháng 6/2022 tôi mới có phương án trả nợ cụ thể đối với Ngân hàng A – Chi nhánh Gia Lâm vì hiện nay công việc tôi rất khó khăn chưa có phương án nào tìm nguồn tiền để trả nợ.

Ngân hàng yêu cầu tôi phải tiếp tục chịu lãi, tôi chấp nhận. Nếu như Công ty H không trả được hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra tôi không thắc mắc bất cứ điều gì về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với Ngân hàng.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH IHA*** vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty TNHH IHA nhưng đến nay vẫn vắng mặt không có lý do, không có quan điểm, lời khai tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng:

+ Về thủ tục thụ lý và thông báo thụ lý vụ án: Thẩm phán đã xác định quan hệ tranh chấp là vụ án KDTM về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 26 BLTTDS 2015 và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

+ Về việc xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán đã xác định đúng tư cách pháp lý của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

+ Về thu thập chứng cứ: Đương sự có bản tự khai

- Về phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải:

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc tống đạt các văn bản tố tụng:

+ TAND đã tiến hành giao, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, đúng theo các quy định tại Điều 171, Điều 172, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 178, Điều 179 BLTTDS 2015.

- Về QĐ đưa vụ án ra xét xử: QĐ đúng thẩm quyền tại Điều 220 BLTTDS 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn: đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật;

+ Bị đơn: đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật;

Tại phiên tòa hôm nay:

+ Nguyên đơn: đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật;

+ Bị đơn: chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật;

* Ý kiến giải quyết vụ án

Xét các Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ ký giữa Ngân hàng A – Chi nhánh Gia Lâm và Công ty TNHH KL H đã tuân thủ đúng quy định tại Các điều 463, 465,466, 468-BLDS 2015, chủ thể của hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, về lãi suất tuân thủ quy định Điều 13- Thông tư 39/2016 của Thống đốc ngân hàng nhà nước, cụ thể:

Điều 13- Thông tư 39/2016 của Thống đốc ngân hàng nhà nước:

"Điều 13. Lãi suất cho vay

1. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này.

4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Vì vậy, Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ trên có hiệu lực pháp luật, buộc các bên phải thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút 1 phần lãi đối với bị đơn

* Đường lối giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc Công ty H phải trả hết nợ gốc cho Ngân hàng, Số nợ gốc: 19.267.391.000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201501520 ngày 13 tháng 10 năm 2015; Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201700202 ngày 25 tháng 01 năm 2017; Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201800258 ngày 12 tháng 02 năm 2018; Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201701721 ngày 28 tháng 08 năm 2017, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án.

- Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu tính lãi suất của ngân hàng

*Về án phí: Vụ án thụ lý ngày 11/12/2020, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

Kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng giai đoạn sơ thẩm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm nhận định:

-**Về tố tụng:**

[1]. Về thẩm quyền: Ngân hàng A Gia Lâm khởi kiện yêu cầu Tranh chấp 04 hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH KLH. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên là tranh chấp kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền cấp Tòa án: Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của BLTTDS được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của BLTTDS. Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Đối với 02 hợp đồng tín dụng số 3120LAV201700202 ngày 25/01/2017 và hợp đồng tín dụng số 3120LAV201501520 ngày 13/10/2015 hai bên lựa chọn Tòa án nơi bên A có trụ sở, đối với 02 hợp đồng tín dụng số 3120LAV201701721 ngày 28/8/2017 và hợp đồng tín dụng số 3120LAV201800258 ngày 12/02/2018 hai bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền và tại Biên bản làm việc ngày 12/3/2020 giữa Ngân hàng A Gia Lâm và Công ty H hai bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án án nhân dân huyện Gia Lâm, nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện

Gia Lâm thụ lý và giải quyết tranh chấp 04 Hợp đồng tín dụng trên là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ.

[2]. Về thời hiệu: Tranh chấp hợp đồng tín dụng cụ thể đòi bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu theo khoản 2 Điều 155 BLDS 2015 nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý vụ án đã đảm bảo về thời hiệu.

[3]. Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Trong 4 tài sản đảm bảo có 01 tài sản đảm bảo mang tên Công ty TNHH IHA, Tòa án đã đưa Công ty TNHH IHA vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS.

[4]. Về tư cách khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng A đã ủy quyền khởi kiện cho Ngân hàng A chi nhánh Gia Lâm nên việc Ngân hàng A Gia Lâm khởi kiện là đảm bảo tư cách khởi kiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung

[5]. Xét về 04 hợp đồng tín dụng, 09 giấy nhận nợ và 05 chứng từ Ủy nhiệm chi chuyển khoản

[5.1]. Xét 04 Hợp đồng tín dụng số 3120LAV201501520 (Gọi tắt là hợp đồng số 1520) ngày 13/10/2015, số 3120LAV201700202 (Gọi tắt là hợp đồng số 0202) ngày 25/01/2017, số 3120LAV201800258 (Gọi tắt là Hợp đồng số 0258) ngày 12/2/2018, số 3120LAV201701721 (Gọi tắt là Hợp đồng số 0721) ngày 28/8/2018 ký giữa Ngân hàng A Gia Lâm và Công ty H.

Xét về hình thức của 04 Hợp đồng đã được lập thành văn bản theo đúng quy định tại Điều 407, 471 của BLDS 2005. Các bên thừa nhận ký kết hợp đồng tự nguyện theo Điều 389 của BLDS 2005 nên về hình thức của 04 Hợp đồng này đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Xét về nội dung của 04 Hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng số 1520: Số tiền cho vay tối đa là 652.500.000 đồng, mục đích cho vay là thanh toán tiền mua xe cho Công ty TNHH ô tô và thiết bị chuyên dùng SB, thời hạn cho vay là 03 năm, lãi suất 9%/năm sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền cho vay, Công ty H đã thanh toán nợ gốc của hợp đồng này là 651.500.000 đồng.

+ Hợp đồng số 0202: Số tiền cho vay tối đa là 300.000.000 đồng, mục đích cho vay là thanh toán tiền mua xe cho Công ty cổ phần ô tô TA, thời hạn cho vay là 03 năm, lãi suất 9%/năm sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay, Công ty H đã thanh toán tiền gốc của hợp đồng này là 299.000.000 đồng.

+ Hợp đồng số 0258: Số tiền cho vay tối đa là 7.485.066.000 đồng, mục đích cho vay là thanh toán tiền mua hàng cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh KL TH1,

thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất 8%/năm sẽ được điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Hợp đồng số 0721: Số tiền cho vay tối đa là 30.000.000.000 đồng, mục đích cho vay là Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất năm 2017-2018 kinh doanh thép không gỉ (cuộn inox nhập khẩu và nội địa), thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất 9,5%/năm có điều chỉnh lãi suất, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Đối với Hợp đồng số 1520 Công ty H nhận nợ đủ bằng Ủy nhiệm chi ngày 13/10/2015; Đối với hợp đồng số 0202 Công ty H nhận nợ đủ bằng Ủy nhiệm chi ngày 25/01/2017; Đối với hợp đồng số 1721 Công ty H nhận nợ bằng 9 giấy nhận nợ các ngày 09/11/2017, ngày 17/11/2017, ngày 23/11/2017, ngày 29/11/2017, ngày 11/12/2017, ngày 22/12/2017, ngày 30/11/2017, ngày 23/01/2018, ngày 29/01/2018; Đối với Hợp đồng số 0258 Công ty H nhận nợ đủ bằng 03 Ủy nhiệm chi ngày 12/02/2018. Đến nay Công ty H không thắc mắc gì đối với 09 Giấy nhận nợ và 05 chứng từ Ủy nhiệm chi chuyển khoản, về số tiền nhận nợ, quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H khi bị quá hạn đã giao tài sản đảm bảo để bán tài sản đảm bảo thanh toán 1 phần nợ gốc đối với các hợp đồng tín dụng trên, nên đủ cơ sở kết luận nội dung các hợp đồng tín dụng trên đã được các bên thỏa thuận tự nguyện, số tiền vay Công ty H đã nhận đầy đủ thể hiện tại 09 Giấy nhận nợ và 03 ủy nhiệm chi nên nội dung của 04 Hợp đồng tín dụng đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 402, 472 đến 476 của BLDS 2005.

Do hình thức và nội dung của 04 Hợp đồng tín dụng trên đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo Điều 405 của BLDS 2005, buộc các bên phải thực hiện hợp đồng.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng A Gia Lâm tạm tính đến ngày 31/3/2020 tổng nợ là 25.397.842.202 đồng, trong đó nợ gốc là 20.748.491.000 đồng, nợ lãi là 4.649.351.202 đồng. Trước khi khởi kiện, Công ty H đã giao tài sản đảm bảo là 03 chiếc xe ô tô và toàn bộ thép thế chấp cho Ngân hàng A Gia Lâm để bán thu hồi nợ gốc, sau khi bán tài sản đảm bảo đã thu hồi được 1.481.100.000 đồng, nên đến nay số nợ gốc của Công ty H tại Ngân hàng A Gia Lâm còn là 19.267.391.000 đồng, nên tại phiên tòa Ngân hàng chỉ yêu cầu Công ty H số nợ gốc là 19.267.391.000 đồng là có căn cứ và được chấp nhận nên buộc Công ty H phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc trên cho Ngân hàng A Gia Lâm là có căn cứ.

[5.2]. Xét yêu cầu về lãi của Ngân hàng A Gia Lâm: Tính đến ngày xét xử, nợ lãi trong hạn và quá hạn tính theo thỏa thuận của hợp đồng là 11.692.058.157 đồng, trong đó nợ trong hạn là 8.299.538.781 đồng, lãi quá hạn là 3.392.519.377 đồng.

Căn cứ mục 3.1 và 3.2 Điều 3 của Hợp đồng số 0258 hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 8%/năm có điều chỉnh lãi suất , lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục 3.1 và 3.2 Điều 3 của Hợp đồng số 1721 hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 9.5%/năm có điều chỉnh lãi suất, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong

hạn; Điều 5, Điều 6 của Hợp đồng số 0202 hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn bằng 9%/năm có điều chỉnh lãi suất, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Điều 5 Điều 6 của Hợp đồng số 1520 hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn bằng 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng A Gia Lâm và Công ty H đã phù hợp vớ Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng 2010, Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên mức lãi suất thỏa thuận của các bên là phù hợp, cần được chấp nhận. Tuy nhiên, kể từ ngày 29/12/2021 Ngân hàng A có Công văn số 12333/NHNo-TD về việc điều chỉnh lãi suất; miễn giảm lãi để thu hồi nợ sau xử lý trong điều kiện dịch bệnh Covid 19, Ngân hàng đã điều chỉnh và chỉ áp dụng 1 mức lãi suất là 4,86%/năm đối với số nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày đóng lãi cuối cùng cho đến khi xét xử sơ thẩm, không áp dụng lãi quá hạn và trong hạn như thỏa thuận của hai bên để hỗ trợ khách hàng theo chủ trương chung của Ngân hàng A, nên đối với số nợ gốc 19.267.391.000 đồng của Công ty H được Ngân hàng tính 1 mức lãi suất từ ngày tiếp theo của ngày trả lãi cuối cùng đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 28.02.2022 là 4.981.332.141 đồng. Do mức lãi suất 4,86%/năm Ngân hàng tính với Công ty H thấp hơn thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, chưa được sự đồng ý của Công ty H, xét thấy việc tính lãi của Ngân hàng có lợi cho Công ty H, mức lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng 2010, Điều 13 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, phù hợp với Quy định của Ngân hàng A do Ngân hàng tự nguyện nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ số tiền lãi tính 1 mức lãi suất là 4.86%/năm trên nợ gốc kể từ ngày tiếp theo ngày trả lãi sau cùng đến khi xét xử sơ thẩm là 4.981.332.141 đồng, và buộc Công ty H phải thanh toán cho Ngân hàng A Gia Lâm số nợ lãi như trên là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, có căn cứ để buộc Công ty H phải thanh toán toàn bộ gốc và lãi trên cho Ngân hàng A Gia Lâm tổng số tiền là 24.248.723.141 đồng, trong đó nợ gốc là 19.267.391.000 đồng, nợ lãi là 4.981.332.141 đồng.

[5.3]. Xét về yêu cầu tiếp tục phải chịu lãi của Công ty H kể từ sau ngày xét xử: Căn cứ vào Điều 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005, Điều 466, 468 của BLDS 2015, căn cứ Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ vào Điều 4 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 1520, 0202 và Điều 3 Điều 4 của các Hợp đồng tín dụng 0258, 1721, Công ty H phải chịu lãi suất quá hạn đối với số tiền vay cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Do vậy kể từ ngày 01/3/2022 Công ty H tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn đối với số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi

suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong nợ gốc là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên buộc Công ty H phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A Gia Lâm trên số tiền nợ gốc và lãi là 24.248.723.141 đồng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 68, các Điều, 147, 217, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 389, 402, 405, 407, 471, 472, 473, 474, 475, 476 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 466, Điều 468 của BLDS 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với Công ty TNHH KL H về việc Tranh chấp 04 hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201501520 ký ngày 13/10/2015, hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201700202 ký ngày 25/01/2017, hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201800258 ký ngày 12/02/2018, hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201701721 ký ngày 28/8/2017 giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Gia Lâm với Công ty TNHH KL H.

2. Xác định 04 Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201501520 ký ngày 13/10/2015, hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201700202 ký ngày 25/01/2017, hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201800258 ký ngày 12/02/2018, hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201701721 ký ngày 28/8/2017 giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Gia Lâm với Công ty TNHH KL H có hiệu lực pháp luật.

3. Tính đến ngày 28/02/2022, Công ty TNHH KL H còn nợ Ngân hàng A – Chi nhánh Gia Lâm phát sinh từ các 04 Hợp đồng tín dụng, 09 Giấy nhận nợ, 05 Ủy

nhiệm chi tổng số tiền là 24.248.723.141 đồng, trong đó: nợ gốc là 19.267.391.000 đồng, nợ lãi là 4.981.332.141 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, buộc Công ty TNHH KL H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A – chi nhánh Gia Lâm số tiền là 24.248.723.141 đồng (Hai mươi bốn tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu, bẩy trăm hai mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó: nợ gốc là 19.267.391.000 đồng, nợ lãi là 4.981.332.141 đồng.

4. Kể từ ngày 01/3/2022, Công ty TNHH KL H phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn với mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ trên số nợ gốc tương ứng của hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ cho đến khi thi hành xong nợ gốc.

5. Về án phí:

5.1. Công ty TNHH KL H phải chịu 132.249.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

5.2. Hoàn trả Ngân hàng A – Chi nhánh Gia Lâm 66.699.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo Biên lai số AA/2010/0005703 ngày 11/12/2020 tại Chi cục THADS huyện Gia Lâm.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho Ngân hàng A có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Báo cho Công ty TNHH KL H, Công ty TNHH IHA vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP Hà Nội;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thiên Hương